

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : VH0641002 - Vật lý  
Lớp :

STC : 6(90,0,0,0,0,0)      Lần thi : 1  
Năm học : 2013-2014      Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên        |       | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|------------------|-------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                  |       |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Hà Văn           | Công  | 3701010003 | 23/10/1996 | ,00         |             |           |         |
| 2   | Lê Chí           | Nhân  | 3701010012 | 01/01/1998 | ,00         |             |           |         |
| 3   | Lê Hòa           | Ngọc  | 3701010019 | 16/11/1994 | 7,40        | 6,00        | 6,70      |         |
| 4   | Nguyễn Đức       | Nam   | 3701010020 | 01/11/1988 | 8,00        | 9,00        | 8,50      |         |
| 5   | Cao Huỳnh        | Hải   | 3701010024 | 22/06/1995 | 6,40        | 3,00        | 4,70      |         |
| 6   | Mai Văn          | Thuận | 3701010028 | 17/03/1998 | 6,90        | 2,00        | 4,40      |         |
| 7   | Phạm Hưng        | Tấn   | 3701010035 | 04/03/1993 | 6,40        | 6,00        | 6,20      |         |
| 8   | Phạm Minh        | Chánh | 3701010038 | 02/05/1990 | 6,40        | 4,00        | 5,20      |         |
| 9   | Nguyễn Huỳnh Đức | Huy   | 3701010046 | 29/07/1995 | 5,90        | 4,00        | 4,90      |         |
| 10  | Nguyễn Trọng     | Tâm   | 3701010048 | 15/07/1994 | ,00         |             |           |         |

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)